

KHU CÔNG NGHIỆP VỚI QUÁ TRÌNH CÔNG NGHIỆP HÓA VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NÔNG THÔN NƯỚC TA

Ngô Xuân Hoàng*

Trường CĐ Kinh tế - Kỹ thuật - ĐH Thái Nguyên

TÓM TẮT

Phát triển các khu công nghiệp (KCN), khu chế xuất (KCX) tập trung được Đảng khởi xướng từ Hội nghị giữa nhiệm kỳ khóa VI BCHTW năm 1994 và được tiếp tục khẳng định tại văn kiện Đại hội IX của Đảng về chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2001–2010. Việc phát triển các KCN trong thời gian qua không những thúc đẩy các ngành dịch vụ phát triển, thúc đẩy CNH- HĐH nông nghiệp nông thôn, mà còn đẩy nhanh tốc độ đô thị hóa, góp phần đáng kể vào việc hiện đại hóa hệ thống kết cấu hạ tầng trong và ngoài KCN. Tuy nhiên để phát triển khu công nghiệp tránh những tác động không tốt đến phát triển nông nghiệp-nông thôn. Trong thời gian tới chúng ta cần giải quyết tốt các vấn đề như: tạo thêm lao động – việc làm, phát triển ngành nghề phi nông nghiệp, chuyển dịch cơ cấu cây trồng, giải quyết vấn đề ô nhiễm môi trường, ổn định nơi tái định cư cho nông hộ, ưu tiên tạo quỹ đất tái định cư ở những nơi có điều kiện thuận lợi để phát triển các ngành nghề kinh doanh phi nông nghiệp. Hỗ trợ vốn ưu đãi cho các hộ, nhằm giúp họ có được những nguồn vốn để đầu tư chuyên đổi ngành nghề, tạo thu nhập...

Từ khóa: *Khu công nghiệp, công nghiệp hóa, phát triển, Kinh tế - Xã hội, nông thôn.*

VAI TRÒ CỦA KHU CÔNG NGHIỆP ĐỐI VỚI CNH NÔNG NGHIỆP -NÔNG THÔN

Ngay từ năm 1963 Tổ chức phát triển công nghiệp của Liên hiệp quốc (UNIDO) đã đưa ra khái niệm quy ước về công nghiệp hóa (CNH): “CNH là một quá trình phát triển kinh tế, trong đó một bộ phận nguồn lực ngày càng tăng của đất nước được huy động để phát triển một cơ cấu kinh tế đa ngành với công nghệ hiện đại. Đặc điểm của cơ cấu kinh tế này là có một bộ phận chế biến luôn thay đổi để sản xuất ra tư liệu sản xuất và hàng tiêu dùng có khả năng đảm bảo tốc độ tăng trưởng cao cho toàn bộ nền kinh tế và sự tiến bộ về xã hội”. Từ khái niệm trên có thể coi Công nghiệp hóa là quá trình tác động của công nghiệp với công nghệ ngày càng hiện đại vào hoạt động kinh tế và đời sống xã hội, làm biến đổi toàn diện nền kinh tế, đưa nền kinh tế từ nông nghiệp lạc hậu tới nền công nghiệp hiện đại. Trong văn kiện Đại hội Đảng cộng sản Việt Nam lần thứ 10 cũng nêu rõ, công nghiệp hóa là quá trình chuyển đổi cơ bản toàn diện các hoạt động sản xuất, kinh doanh, quản lý kinh tế, quản lý xã hội từ dựa vào lao động thủ công là chính sang dựa vào

lao động kết hợp cùng với phương tiện, phương pháp công nghệ, kỹ thuật tiên tiến hiện đại để tạo ra năng suất lao động cao.

Công nghiệp hóa có vai trò rất quan trọng trong phát triển kinh tế xã hội nói chung, xã hội nông thôn nói riêng.

Thứ nhất: công nghiệp hóa với quá trình đô thị hóa. Thông qua việc quy hoạch phát triển sản xuất công nghiệp, công nghiệp hóa thúc đẩy quá trình phân bố lại dân cư ở các vùng, tạo điều kiện đô thị hóa đất nước. Thực tế cho thấy quá trình công nghiệp hóa thường đi đôi với quá trình đô thị hóa... Công nghiệp hóa với sự mở rộng sản xuất công nghiệp, theo đó là sự phát triển các ngành dịch vụ. Sự phát triển các ngành này đã thu hút một lượng lớn lao động ở nông thôn vào thành thị. Sự mở rộng sản xuất công nghiệp nhiều khi được thực hiện bằng việc xây dựng các khu công nghiệp mới ngay tại các vùng nông thôn, miền núi. Điều này đã thu hút lực lượng lao động tại chỗ cho yêu cầu sản xuất công nghiệp và một bộ phận dân cư khác lại tổ chức các hoạt động dịch vụ đáp ứng những yêu cầu mới của khu công nghiệp.

* Tel: 0912.140.868

Thứ hai: Công nghiệp hóa thúc đẩy các mối liên kết trong kinh tế. Để thực hiện quá trình sản xuất, ngành này phải sử dụng sản phẩm của ngành khác và ngược lại. Quá trình này tạo ra các mối liên kết xuôi, ngược giữa các ngành với nhau. Hoạt động sản xuất của công nghiệp chế biến yêu cầu đầu vào từ sản phẩm công nghiệp khai thác, nông nghiệp và chính bản thân các ngành công nghiệp chế biến với nhau. Ngược lại, hoạt động sản xuất của nông nghiệp lại yêu cầu phân bón hóa học, thuốc trừ sâu và các công cụ sản xuất từ công nghiệp. Trong các quá trình trên, để đưa sản phẩm từ nơi này đến nơi khác lại phải có dịch vụ vận chuyển, thương mại... công nghiệp hóa đã thúc đẩy các mối liên kết ngày càng phát triển sâu rộng.

Thứ ba: công nghiệp hóa là con đường cơ bản nâng cao khả năng cạnh tranh của nền kinh tế. Sức mạnh cạnh tranh quốc gia, theo cách tiếp cận của “*diễn đàn kinh tế thế giới*” về đánh giá khả năng cạnh tranh quốc gia đã xếp hạng trên cơ sở 371 chỉ tiêu của 8 nhóm. Đó là: Sức cạnh tranh của nền kinh tế, trên cơ sở đánh giá toàn bộ nền kinh tế vĩ mô. Vai trò của Chính phủ trong việc đưa ra các chính sách tạo môi trường cho cạnh tranh. Nền tài chính quốc gia, hoạt động thị trường tài chính và chất lượng dịch vụ tài chính. Cơ sở hạ tầng phục vụ cho sản xuất kinh doanh. Trình độ quản lý và khả năng thu được lợi nhuận của các doanh nghiệp. Trình độ khoa học – công nghệ, cùng với sự thành công trong nghiên cứu cơ bản và ứng dụng... Như vậy, khả năng cạnh tranh của quốc gia phụ thuộc vào sức mạnh tổng hợp của nền kinh tế bao gồm cả hoạt động kinh tế vĩ mô và vi mô: từ các chính sách của Chính phủ đến trình độ quản lý của doanh nghiệp; từ cơ sở hạ tầng của nền kinh tế đến khả năng huy động các yếu tố nguồn lực.

Gắn với quá trình Công nghiệp hóa, chủ trương phát triển các khu công nghiệp (KCN), khu chế xuất (KCX) tập trung được Đảng

khởi xướng từ Hội nghị giữa nhiệm kỳ khóa VI BCHTW năm 1994 và được tiếp tục khẳng định tại văn kiện Đại hội IX của Đảng về chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2001–2010. Theo Nghị định số 192/CP ngày 28/12/1994 của Chính phủ, các khu công nghiệp được định nghĩa là các khu công nghiệp tập trung, không có dân cư được thành lập với các ranh giới được xác định nhằm cung ứng các dịch vụ để hỗ trợ sản xuất. Trong thời kỳ CNH, HĐH việc xây dựng các khu, cụm công nghiệp tập trung là cần thiết và được Nhà nước khuyến khích. KCN, KCX ở nước ta được hình thành và phát triển từ năm 1991, khởi đầu là KCX Tân Thuận tại thành phố Hồ Chí Minh. Qua 17 năm hình thành và phát triển KCN ở Việt Nam, nhiều KCN đã và đang đóng vai trò quan trọng và tạo ra một khí thế phát triển mới cho nền kinh tế cả nước. Tại các vùng hay địa phương có các KCN hoạt động mạnh thì mức độ tăng trưởng kinh tế ở đó cao hơn những nơi KCN chưa phát triển. Việc phát triển các KCN trong thời gian qua không những thúc đẩy các ngành dịch vụ phát triển, thúc đẩy CNH- HĐH nông nghiệp nông thôn, mà còn đẩy nhanh tốc độ đô thị hóa, góp phần đáng kể vào việc hiện đại hóa hệ thống kết cấu hạ tầng trong và ngoài KCN. Điều này được thể hiện qua một số khía cạnh sau:

- Đẩy mạnh phát triển kết cấu hạ tầng các KCN có tác dụng kích thích sự phát triển kinh tế địa phương, góp phần rút ngắn sự chênh lệch phát triển giữa nông thôn và thành thị, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân. Điều này có thể dễ dàng nhận nhất ở những vùng có KCN phát triển mạnh như Biên Hòa, Nhơn Trạch (Đồng Nai), Thuận An (Bình Dương), Tiên Sơn (Bắc Ninh)...cùng với quá trình phát triển KCN, các điều kiện về kỹ thuật hạ tầng trong khu vực đã được cải thiện đáng kể, nhu cầu về các dịch vụ gia tăng, góp phần thúc đẩy hoạt động kinh doanh cho các cơ sở dịch vụ trong vùng.

- Cùng với các chính sách ưu đãi về tài chính và công tác quản lý thuận lợi của Nhà nước, có thể nói việc thu hút nguồn vốn để đầu tư xây dựng hoàn thiện và đồng bộ các kết cấu hạ tầng trong KCN có vai trò quyết định trong việc thu hút đầu tư. Việc các doanh nghiệp thuộc nhiều thành phần kinh tế (doanh nghiệp quốc doanh, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, doanh nghiệp ngoài quốc doanh) tham gia đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng KCN không những tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp trong KCN hoạt động hiệu quả, mà còn tạo sự đa dạng hóa thành phần doanh nghiệp tham gia xúc tiến đầu tư góp phần tạo sự hấp dẫn trong việc thu hút doanh nghiệp công nghiệp vào KCN.

- Việc đầu tư hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật trong KCN không những thu hút các dự án đầu tư mới mà còn tạo điều kiện cho các doanh nghiệp mở rộng quy mô để tăng năng lực sản xuất và cạnh tranh hoặc di chuyển ra khỏi các khu đông dân cư, tạo điều kiện để các địa phương giải quyết các vấn đề ô nhiễm, bảo vệ môi trường đô thị, tái tạo và hình thành quỹ đất mới phục vụ các mục đích khác của cộng đồng trong khu vực như KCN Tân Tạo (thành phố Hồ Chí Minh), Việt Hương (Bình Dương)...

- Quá trình xây dựng kết cấu hạ tầng trong và ngoài hàng rào KCN còn đảm bảo sự liên thông giữa các vùng, định hướng cho quy hoạch phát triển các khu dân cư mới, các khu đô thị vệ tinh, hình thành các ngành công nghiệp phụ trợ, dịch vụ... các công trình hạ tầng xã hội phục vụ đời sống người lao động và cư dân trong khu vực như: nhà ở, trường học, bệnh viện, khu giải trí...

- Tạo điều kiện cho các doanh nghiệp đón bắt và thu hút đầu tư các ngành như điện, giao thông vận tải, thông tin liên lạc, cảng biển, các hoạt động dịch vụ tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, xúc tiến đầu tư, phát triển thị trường địa ốc... đáp ứng nhu cầu hoạt động và phát triển của các KCN.

Quá trình phát triển các KCN, KCX ở Việt Nam trong những năm qua đã thể hiện sự đúng đắn trong đường lối phát triển kinh tế của Đảng. Các KCN, KCX đã đóng góp không nhỏ trong việc tăng kim ngạch xuất khẩu, nâng cao trình độ và hiện đại hóa công nghệ, tăng cường khả năng tổ chức quản lý sản xuất và quản lý nhà nước, từ đó làm giảm chi phí sản xuất, tăng cường năng lực cạnh tranh của sản phẩm trong quá trình hội nhập.

TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN KHU CÔNG NGHIỆP Ở MỘT SỐ NƯỚC VÀ VIỆT NAM

Phát triển khu công nghiệp ở Đài Loan và Thái Lan

Các khu công nghiệp, thực tế đã trở thành “vườn ươm” hay là nơi thử nghiệm các cơ chế, chính sách mới, tiên tiến như: cơ chế “một cửa tại chỗ”, hay cơ chế “tự bảo đảm tài chính”; nhiều chính sách khác về hoàn thiện thủ tục kiểm hóa hải quan, phát triển hoạt động tài chính – ngân hàng trong các KCN có sự phối hợp của ban quản lý KCN, đã tạo cho môi trường đầu tư tại các KCN trở nên hấp dẫn hơn. Đó là đánh giá của nhóm nghiên cứu về tính bền vững của các KCN trong dự án VIE/01/021. Kinh nghiệm của một số nước láng giềng cho thấy, phát triển bền vững các KCN là một nhu cầu cấp bách và xu thế tất yếu trong tiến trình phát triển kinh tế xã hội của Việt Nam.

* **Ở Đài Loan:** Công tác xây dựng quy hoạch phát triển các KCN ở Đài Loan được tổ chức khoa học và chặt chẽ. Trước hết, Cục Công nghiệp thuộc Bộ kinh tế Đài Loan tiến hành khảo sát, đánh giá tiềm năng, lợi thế so sánh của từng vùng kết hợp với việc dự báo, đánh giá về xu hướng phát triển khoa học công nghệ, triển vọng thị trường đầu tư và thương mại quốc tế trong thời gian 10–20 năm để xây dựng chiến lược và quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế quốc dân, định hướng phát triển ngành nghề theo vùng và khu vực. Sau đó, trên cơ sở quy hoạch tổng thể định hướng phát triển của từng vùng và khu vực, các nhà

đầu tư xác định khả năng xây dựng các KCN với quy mô thích hợp và lập quy hoạch chi tiết trình cơ quan có thẩm quyền xin phép đầu tư xây dựng KCN. Với cách làm này, việc xây dựng các KCN vừa đảm bảo phù hợp với quy hoạch tổng thể chung, vừa phù hợp với thực tế của địa phương và khả năng của nhà đầu tư, nên tính khả thi của dự án cao.

Để đảm bảo cho các KCN hoạt động có hiệu quả, sự phát triển các KCN ở Đài Loan luôn gắn liền với việc xây dựng một hệ thống kết cấu hạ tầng hoàn chỉnh, bao gồm cả hạ tầng kỹ thuật và xã hội bên trong và bên ngoài KCN như: hệ thống giao thông nội bộ, hệ thống thông tin liên lạc, cung cấp điện nước, các dịch vụ bưu điện, ngân hàng, bảo hiểm, hệ thống xử lý chất thải tập trung... Xây dựng các khu đô thị xung quanh, đảm bảo cung cấp nguồn nhân lực và dịch vụ tiện ích công nghiệp và đời sống, trong đó, đặc biệt chú trọng đến công tác bảo vệ môi trường. Tại các KCN của Đài Loan đảm bảo tỉ lệ kết cấu hợp lý giữa diện tích đất dành cho sản xuất khoảng 60%, đất dành cho xây dựng khu dân cư từ 2,2–2,3%, đất dành cho công trình bảo vệ môi trường 33% (trong đó, đất trồng cây xanh khoảng 10%) và đất dành cho phát triển các công trình vui chơi giải trí khoảng 4,7-4,8%.

Quy hoạch xây dựng và phát triển KCN của Đài Loan không phải cố định, mà thường xuyên được kiểm tra và đánh giá lại sự phù hợp giữa quy hoạch và thực tế, nhất là những vấn đề liên quan đến môi trường để kịp thời điều chỉnh, bổ sung. Theo quy định hiện hành, việc kiểm tra, đánh giá quy hoạch được tiến hành 3 năm một lần. Việc quy hoạch xây dựng các KCN của Đài Loan luôn tuân theo nguyên tắc là khai thác và sử dụng có hiệu quả lợi thế so sánh của từng vùng và toàn lãnh thổ, hạn chế sử dụng đất nông nghiệp vào việc phát triển các KCN. Vì vậy, nhiều KCN ở Đài Loan được xây dựng tại những vùng đất cằn cỗi hoặc đất lấn biển. Việc xây dựng các KCN ở những nơi này không chỉ tiết kiệm được quỹ đất nông nghiệp vốn rất khan hiếm, mà còn giảm thiểu được các chi

phí về đền bù, giải phóng mặt bằng và có điều kiện để xây dựng ngay từ đầu một hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ và hiện đại theo chuẩn mực quốc tế.

Trong những năm tới, việc phát triển các KCN tập trung cần được đổi mới theo hướng chuyển thành các KCN có dịch vụ kỹ thuật, công nghệ cao, đáp ứng được nhiệm vụ là nơi tập trung chuyên và chế biến sản phẩm cao cấp cho xuất khẩu và thị trường trong nước. Có thể nói, hệ thống chính sách kinh tế của Đài Loan luôn được hoạch định và điều chỉnh kịp thời khi tình hình kinh tế - xã hội trong nước và quốc tế thay đổi, nên nó có tính năng động và tính khả thi cao, thực sự trở thành kim chỉ nam, là đòn bẩy kích thích sự phát triển của các KCN và nền kinh tế.

*** Ở Thái Lan:** Thái Lan chỉ có khoảng 55 KCN, nhưng lại khá đa dạng: KCN tập trung phần lớn là các xí nghiệp công nghiệp nặng, chỉ sản xuất hàng hóa để tiêu thụ trong nước chứ không xuất khẩu. KCN tổng hợp gồm các xí nghiệp chủ yếu sản xuất hàng tiêu thụ trong nước, xuất khẩu chỉ chiếm 40% tổng sản phẩm của xí nghiệp và khu chế biến xuất khẩu. Khu sản xuất này phải đạt tỷ lệ xuất khẩu hàng hóa tới 40% tổng sản phẩm sản xuất của xí nghiệp. Ngoài ra, Thái Lan cũng có nơi bao gồm KCN, KCX, các khu dịch vụ và khu dân cư. Ngay từ đầu Chính phủ Thái Lan đã quan tâm tới vấn đề phát triển bền vững KCN. Đó là cung cấp đầy đủ cơ sở hạ tầng cơ bản, có lợi cho các KCN, nhất là ở các thành phố mới và phân phối lại thu nhập cùng với các điều kiện vật chất khác. Đối với các doanh nghiệp công nghệ được tập trung vào một số KCN là điều kiện cho sự chuyên giao khoa học công nghệ giữa các nhà công nghiệp, công nhân làm việc tại đây được đào tạo dân và ngày càng nâng cao tay nghề.

Phát triển khu công nghiệp ở Việt Nam

Việt Nam bắt đầu mô hình KCN từ những năm 1991. Các KCN được hình thành đã khẳng định vai trò quan trọng trong công cuộc công nghiệp hóa – hiện đại hóa đất nước; góp phần xóa đói giảm nghèo và đặc biệt là đã đẩy nhanh tiến

trình hội nhập với nền kinh tế khu vực và quốc tế. Tuy nhiên, từ những kinh nghiệm của các nước, mà Việt Nam có những mô hình tương tự, chúng ta cũng cần có những bước điều chỉnh cần thiết và kịp thời.

Năm 2008 là năm đầu tiên triển khai Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14/3/2008 của Chính phủ quy định về khu công nghiệp. Trong năm 2008, có 48 dự án đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng KCN được cấp Giấy chứng nhận đầu tư, thành lập mới 40 KCN với tổng diện tích đất tự nhiên 15.675,6 ha (tăng 73% so với năm 2007) và mở rộng 8 KCN với tổng diện tích đất tự nhiên 2.810,8 ha (tăng 41,1% so với năm 2007). Năm 2008 là năm có số lượng KCN được thành lập mới và mở rộng nhiều nhất trong gần 17 năm xây dựng và phát triển KCN. Kết quả này xuất phát từ nhu cầu phát triển KCN của các địa phương nhằm tận dụng cơ hội thu hút đầu tư hiện đang tăng cao trên cả nước. Mặt khác, do nhiệm vụ cấp Giấy chứng nhận đầu tư cho Dự án phát triển kết cấu hạ tầng KCN đã được phân cấp về địa phương, nên đã tạo điều kiện cho các địa phương chủ động và đẩy nhanh quá trình thực hiện thủ tục đầu tư.

Tính đến cuối tháng 12/2008, cả nước đã có 219 KCN được thành lập với tổng diện tích đất tự nhiên là 61.472,4 ha, phân bố trên 54 tỉnh, thành phố trên cả nước. Trong đó, diện tích đất công nghiệp có thể cho thuê theo quy hoạch đạt gần 40.000 ha, chiếm 65% diện tích đất công nghiệp. Theo quy hoạch, từ nay đến năm 2015 sẽ thành lập thêm 91 KCN với tổng diện tích 20.839 ha và mở rộng thêm 22 KCN với tổng diện tích 3.543 ha. Dự kiến đến năm 2015 sẽ có thêm 24.381 ha đất KCN. Qua kết quả thành lập mới và mở rộng KCN trong năm 2008, có thể thấy rằng mặc dù sự phân bố KCN đã được điều chỉnh theo hướng tạo điều kiện cho một số địa bàn đặc biệt khó khăn ở Tây Bắc (Yên Bái, Tuyên Quang, Hòa Bình, Sơn La, Bắc Kạn), Tây Nguyên (Đắk Lắk, Đắk Nông, Gia Lai, Kon Tum, Lâm Đồng), Tây Nam Bộ (Hậu Giang, An Giang,

Sóc Trăng)...phát triển KCN để chuyển dịch cơ cấu kinh tế, song các KCN vẫn tập trung ở các địa phương thuộc 3 vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, Trung Bộ và Nam Bộ.

*** Tình hình quy hoạch và phát triển các khu công nghiệp ở Vĩnh Phúc:** Cách đây 10 năm, tỉnh Vĩnh Phúc chỉ xây dựng có 1 KCN Kim Hoa, nhưng do gặp nhiều khó khăn, KCN này đã chậm phát triển. Đến nay, trên địa bàn tỉnh đã có 11 KCN được Chính phủ cho phép thành lập với tổng diện tích là trên 3.000 ha. Trong đó có 6 KCN đã đi vào hoạt động và có tỷ lệ lấp đầy các dự án cao như KCN Quang Minh (Giai đoạn I: 344 ha) 100%, KCN Khai Quang 74,1%, KCN Bình Xuyên 54%, KCN Kim Hoa (giai đoạn 1): 100%, còn lại 5 KCN đang trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư. Hiện nay cả 11 KCN đã có chủ đầu tư xây dựng hạ tầng, trong đó có 6 doanh nghiệp là nhà đầu tư trong nước và 5 doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Với quan điểm công tác quy hoạch phải đi trước một bước, quy hoạch phải mang tính tổng thể, đồng bộ gắn phát triển công nghiệp với phát triển đô thị và dịch vụ, bảo đảm sự đồng bộ về hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật trong và ngoài hàng rào KCN; khai thác phát triển KCN ở các vùng đồi, vùng đất bạc màu, hạn chế tối đa khai thác quỹ đất trồng lúa cho phát triển công nghiệp, bảo đảm cho sự phát triển bền vững các KCN. Vĩnh Phúc điều chỉnh quy hoạch phát triển các KCN của tỉnh đến năm 2020 trình Chính phủ phê duyệt. Theo đó, ngoài 11 KCN đã có, dự kiến từ nay đến năm 2020 tỉnh Vĩnh Phúc có thêm 14 KCN với diện tích 5.576 ha. Như vậy, đến năm 2020, tỉnh Vĩnh Phúc sẽ có 23 KCN với diện tích trên 8.600 ha.

Tính đến hết tháng 8/2008, trên địa bàn tỉnh có 615 dự án đầu tư trực tiếp trong và ngoài nước (tính cả huyện Mê Linh): trong đó lĩnh vực công nghiệp 471 dự án, chiếm 76,59%, lĩnh vực dịch vụ, thương mại 75 dự án, chiếm 12,2%, lĩnh vực nông nghiệp 13 dự án, chiếm 2,11%, lĩnh vực đào tạo 16 dự án, chiếm 2,6%

và lĩnh vực du lịch, đô thị 40 dự án, chiếm 6,5%. Các dự án đầu tư nước ngoài đến từ 16 quốc gia và vùng lãnh thổ như Nhật, Hàn Quốc, Trung Quốc, Đài Loan, Mỹ, Anh, Đức... trong đó khu vực Đông Bắc Á chiếm tỷ lệ lớn với Đài Loan đứng đầu có 47 dự án, vốn đầu tư: 991,775 triệu USD. Sau đó là Nhật Bản với 29 dự án, vốn đầu tư 690,37 triệu USD. Hàn Quốc 34 dự án, vốn đầu tư 180,38 triệu USD. Đặc biệt, có các doanh nghiệp lớn như: Honda, Toyota, Piaggio, Foxconn, Compal, Daewoo.

*** Tình hình quy hoạch và phát triển các khu công nghiệp ở Bắc Ninh:** Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của Bắc Ninh giai đoạn 2001–2010 được xác định: “*Đẩy mạnh CNH, HĐH, phát triển kinh tế xã hội với nhịp độ cao, hiệu quả, bền vững, khai thác mọi nguồn lực và khuyến khích mọi thành phần kinh tế trong và ngoài nước, phấn đấu đến năm 2015 Bắc Ninh trở thành tỉnh công nghiệp...*”. Trong chiến lược đó, Bắc Ninh lựa chọn khâu đột phá để tăng trưởng kinh tế là đầu tư phát triển các khu công nghiệp tập trung, các cụm công nghiệp đa nghề và làng nghề, đây chính là một trong những giải pháp quan trọng để phát triển một nền kinh tế toàn diện và bền vững trong sự nghiệp CNH, HĐH.

Kết quả là năm 2000 Bắc Ninh mới chỉ có một KCN được thành lập với tổng diện tích giai đoạn I là 134 ha (KCN Tiên Sơn), đến nay trên địa bàn tỉnh đã có 10 KCN với tổng diện tích 5.475 ha, trong đó có 4 khu đã đi vào hoạt động; 2 khu mới khởi công xây dựng; còn lại 4 khu đang trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư. Vừa qua Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã thẩm định trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt bổ sung thêm 6 KCN với diện tích là 1.423,9 ha đất công nghiệp. Các KCN đã tham gia vào việc phân bố, điều chỉnh lại không gian kinh tế - xã hội của tỉnh, thể hiện rõ nhất là thúc đẩy phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng như: điện, nước, giao thông vận tải... và tạo sự phát triển đồng đều, hỗ trợ lẫn nhau giữa khu vực phía bắc sông Đuống (phát

triển công nghiệp và dịch vụ) và phía Nam sông Đuống (phát triển nông nghiệp theo hướng hàng hóa cao sản). Đến nay các KCN Bắc Ninh đã thu hút được 310 dự án với tổng vốn đăng ký gần 2,5 tỷ USD, đã cho thuê 759,78 ha đất công nghiệp, đạt 3,2 triệu USD/ha và 7,85 triệu USD/dự án, trong đó vốn thuộc ngành điện tử chiếm tỷ lệ cao nhất (48,4%), chủ yếu là dự án đầu tư nước ngoài của các tập đoàn kinh tế có thương hiệu khu vực và toàn cầu trong lĩnh vực điện, điện tử, viễn thông công nghệ cao: Canon 2 dự án, sumitomo, Foxconn, Sam sung, Tyco Electronic, Longtech, Mitac. Đặc biệt thu hút được một số dự án hạ tầng KCN thuộc các tập đoàn lớn: VSIP Bắc Ninh (Singapore), tập đoàn IGS (Hàn Quốc), Foxconn (Honghai)...

Hoạt động quản lý SXKD của các doanh nghiệp KCN có bước tăng trưởng lớn cả về số lượng và chất lượng. Đến nay đã có 135 dự án đi vào hoạt động, giá trị SXCN 6 tháng đầu năm 2008 đạt 5.049,2 tỷ đồng, nộp Ngân sách đạt 159,45 tỷ đồng, giá trị xuất khẩu đạt 246 triệu USD, tạo việc làm 26.049 lao động (42% lao động địa phương). Các KCN đã đóng góp trên 50% giá trị SXCN, trên 70% giá trị XK toàn tỉnh. Kết quả trên là cơ sở để Bắc Ninh xác lập phát triển ngành công nghiệp mũi nhọn trong thời gian tới, mà trọng tâm là ngành công nghiệp điện tử và công nghệ cao.

MỘT SỐ ẢNH HƯỞNG CỦA KHU CÔNG NGHIỆP ĐẾN PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NÔNG THÔN

Trong những năm qua, các KCN tập trung trong vùng là nhân tố động lực đóng góp quan trọng cho sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của vùng, biến vùng thuần nông thành vùng kinh tế trọng điểm có tốc độ tăng trưởng kinh tế cao, phổ biến trên 10%/năm. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ, giảm tỷ trọng nông nghiệp trong GDP với tốc độ khá nhanh. Nhiều tỉnh thuần nông trước đây nhờ phát triển KCN sẽ nhanh trở thành những tỉnh công nghiệp như

Vĩnh Phúc, Bắc Ninh, Hưng Yên, Hải Dương... bộ mặt nông thôn đổi mới theo hướng văn minh, hiện đại. Nhiều nhà máy xí nghiệp, doanh nghiệp đầu tư nước ngoài có quy trình sản xuất công nghiệp hiện đại, công nghệ cao được xây dựng và phát triển thu hút hàng chục tỷ USD và hàng nghìn tỷ đồng của các nhà đầu tư trong nước. Các KCN đã và đang thu hút hàng trăm nghìn lao động nông thôn, tạo ra thị trường sức lao động mới để thúc đẩy quá trình chuyển dịch cơ cấu lao động xã hội trong vùng. Hệ thống kết cấu hạ tầng được xây dựng mới và nâng cấp, nhất là khu vực nông thôn, tỷ lệ hộ nghèo giảm. Tuy nhiên sự phát triển của khu công nghiệp cũng có tác động mạnh mẽ đến phát triển nông nghiệp-nông thôn.

Tác động đến đất đai: Quá trình phát triển nhanh các khu công nghiệp đã làm diện tích đất nông nghiệp bị thu hẹp, nhu cầu về sử dụng đất chuyên dùng xây dựng hệ thống cơ sở hạ tầng và đất đô thị tăng lên rất nhanh. Điều này đã dẫn đến tình trạng “nuốt chửng” những diện tích đất nông nghiệp vốn rất cần thiết cho một đô thị như: sản xuất lương thực, thực phẩm, tạo mảng không gian xanh có vai trò “giải độc” cho môi trường sống, tạo khu nghỉ ngơi cho người dân... Việc thu hồi đất nông nghiệp đã tác động tới đồng sống của các hộ dân vì họ thiếu phương tiện lao động và kế sinh nhai truyền thống, trong đó có nhiều hộ rơi vào tình trạng bần cùng hóa.

Để phục vụ các khu công nghiệp, theo số liệu của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, bình quân mỗi năm có 73 nghìn ha đất nông nghiệp được thu hồi, trong 5 năm từ năm 2001–2005, tổng diện tích đất nông nghiệp đã lấy là gần 370 nghìn ha. Hai vùng kinh tế trọng điểm phía Nam và phía Bắc là nơi được thu hồi đất nhiều nhất, trong đó những địa phương đứng đầu là: Tiền Giang (20,3 nghìn ha), Đồng Nai (19,7 nghìn ha), Bình Dương (16,6 nghìn ha), Hà Nội (7,7 nghìn ha), Vĩnh Phúc (5,5 nghìn ha)... Điều đó tác động tới đời sống khoảng 2,5 triệu người với gần 630

nghìn hộ nông dân. Số liệu cho thấy, trung bình cứ mỗi ha đất thu hồi, sẽ làm hơn 10 lao động nông dân mất việc. Do thiếu trình độ, sau khi thu hồi đất có tới 67% số nông dân vẫn giữ nguyên nghề sản xuất nông nghiệp, 13% chuyển sang nghề mới, 20% không có việc làm hoặc có việc nhưng không ổn định, 53% số hộ nông dân bị thu hồi đất có thu nhập sụt giảm so với trước đây nên đời sống gặp nhiều khó khăn.

Tác động tới môi trường: Việc hình thành các KCN nhằm tạo điều kiện để các chủ doanh nghiệp đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, song thực tế cho thấy, nhiều doanh nghiệp đã nhập dây chuyền công nghệ lạc hậu hàng chục năm. Điều này, không chỉ làm giảm sức cạnh tranh, mà còn khiến hoạt động sản xuất không ổn định, gây ô nhiễm môi trường. Theo ước tính, mỗi KCN thải khoảng từ 3.000–10.000m³ nước thải/ngày đêm. Như vậy, tổng lượng nước thải công nghiệp của các KCN trên cả nước lên khoảng 500.000–700.000m³/ngày đêm. Ngay cả ở những KCN đã có trạm xử lý nước thải tập trung, thì chất lượng thực tế của các công trình này vẫn còn hạn chế, chưa đạt được những tiêu chuẩn quy định, gây ô nhiễm môi trường, đặc biệt là ở một số KCN tập trung các ngành công nghiệp nhẹ như dệt may, thuộc da, ngành hóa chất... độc hại cao. Ngoài ra, tại các KCN, ô nhiễm khí bụi và tiếng ồn là loại hình ô nhiễm khó kiểm soát và không được quan tâm. Khí thải của các cơ sở sản xuất chứa nhiều chất độc hại được xả trực tiếp vào môi trường, ảnh hưởng đến sức khỏe của nhân dân quanh vùng.

Theo kết quả quan trắc, nồng độ chất SO₂, CO và NO₂ gần KCN hoặc trong các KCN đang gia tăng. Nồng độ bụi tại ven các trục giao thông chính đều đã vượt tiêu chuẩn cho phép từ 2–6 lần. Tại nhiều nhà máy cơ khí, luyện kim, công nghiệp hóa chất, công nghiệp vật liệu xây dựng, công nghiệp chế biến khoáng sản... trong KCN, nồng độ bụi và khí độc hại (điển hình là khí CO₂) trong không

khí, vượt tiêu chuẩn cho phép từ 2–5 lần. Chất thải công nghiệp cũng đang là mối nguy cơ đe dọa tới cuộc sống của một số địa phương có KCN đóng trên địa bàn. Chất thải công nghiệp chưa được xử lý kỹ càng sẽ gây ô nhiễm trầm trọng tới nguồn nước, không khí, tiếng ồn...

Tác động tới lao động và việc làm: Việc phát triển khu công nghiệp đã tạo ra một kênh thu hút lao động rất có tiềm năng và hiệu quả, góp phần quan trọng giải quyết việc làm cho lao động tại chỗ (kể cả số lao động của những hộ gia đình bị thu hồi đất) và lao động nhập cư. Những năm gần đây, lực lượng lao động trong khu công nghiệp gia tăng mạnh mẽ gắn liền với sự gia tăng của các khu công nghiệp thành lập mới và mở rộng. Tuy nhiên, tỷ lệ lao động đã qua đào tạo còn ít, thiếu đồng bộ, dẫn đến chất lượng nguồn nhân lực thấp, đang là rào cản cho việc ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới, văn minh và bền vững. Tại các khu công nghiệp, phần lớn lao động vừa mới thoát ra khỏi đồng ruộng hoặc các trường phổ thông chưa qua đào tạo ngành nghề cơ bản. Tình trạng thiếu việc làm trong thời vụ đang là khó khăn hiện nay ở nông thôn. Năng lực của hệ thống chính trị cấp cơ sở chưa đáp ứng yêu cầu phát triển của thực tiễn. Mức hưởng thụ của người nông dân còn thấp, khoảng cách thu nhập và đời sống giữa thành thị và nông thôn ngày càng tăng. Giá cả leo thang đang là những vấn đề bức xúc, ảnh hưởng lớn đến cuộc sống của người nông dân.

Tác động tới kinh tế hộ nông dân: Sản xuất nông nghiệp ở các địa phương vẫn theo phương thức cũ, nhỏ lẻ, phân tán nên hiệu quả kinh tế thấp và có nguy cơ kém bền vững trước thiên tai dịch bệnh và biến động của thị trường. Diện tích đất nông nghiệp giảm nhanh do quá trình phát triển các khu công nghiệp, từ đó làm hạn chế cơ hội để nâng cao thu nhập từ ngành chính là trồng trọt, trong khi khả năng phát triển chăn nuôi, thủy sản và các ngành nghề phi nông nghiệp còn hạn chế. Các

sản phẩm rau quả và chăn nuôi gia súc, gia cầm có sức cạnh tranh thấp. Người nông dân bị thu hồi đất cho công nghiệp hóa, hay đô thị hóa cũng rơi vào tình trạng tư liệu sản xuất bị mất hoặc giảm đi, trong lúc chưa chuẩn bị kịp các điều kiện để chuyển đổi nghề nghiệp. Phần đông nông dân có tiền (tiền đền bù do bị thu hồi đất) cũng khó tìm phương án nào cho hiệu quả để sử dụng cho sản xuất, kinh doanh làm cho nó sinh sôi nảy nở. Nhiều hộ nông dân đang rơi vào cảnh thua thiệt trước “vòng xoáy” của các quy luật thị trường, nhất là ở những nơi hợp tác xã không còn tồn tại, chính quyền cơ sở lại yếu kém, thì không biết dựa vào đâu? tình cảnh “nghèo thì nghèo thêm, giàu thì giàu nhanh hơn” đang là tác nhân chính khoét sâu thêm hố ngăn cách giàu nghèo giữa người giàu và người nghèo, giữa nông thôn và thành thị. Đây là nguyên nhân chính của hiện tượng số người tự do di cư ra thành thị kiếm việc làm đang tăng lên. Họ luôn trong tâm lý do sợ rủi ro, bởi vậy, tư duy “ăn chắc, mặc bền” vẫn là phổ biến, có đồng nào đổ vào “xây nhà xây cửa” chấp vá, coi nói một cách manh mún và rất tốt kém.

Tác động tới chuyển dịch cơ cấu kinh tế: Sự phát triển của các KCN đã đẩy nhanh sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng CNH, HĐH. Trong đó quá trình, cơ cấu ngành kinh tế thay đổi theo hướng giảm tỷ trọng của khu vực nông nghiệp và gia tăng nhanh tỷ trọng của khu vực công nghiệp và dịch vụ. Đối với sản xuất nông nghiệp nói riêng, góp phần làm thay đổi về cơ cấu diện tích giao trồng và cấu giá trị sản xuất. Các loại cây trồng có giá trị kinh tế thấp, sử dụng nhiều lao động đang có xu hướng giảm dần diện tích. Các loại cây cần ít lao động hơn và cho giá trị kinh tế cao hơn đang được tăng dần diện tích canh tác. Trong tổng giá trị sản xuất của ngành nông nghiệp thì xu hướng chung là giảm dần tỷ trọng của ngành trồng trọt và tỷ trọng ngành chăn nuôi.

Tác động tới xã hội nông thôn: Mức hưởng thụ của người nông dân còn thấp, khoảng cách thu nhập và đời sống giữa thành thị và

nông thôn ngày càng tăng. Giá cả leo thang đang là những vấn đề bức xúc, ảnh hưởng lớn đến cuộc sống của người nông dân. Do thúc đẩy tăng trưởng nhanh các khu công nghiệp nhưng chưa quan tâm giải quyết đúng mức ngay từ đầu những yếu tố hạ tầng xã hội hỗ trợ thiết yếu như: Giáo dục, y tế, văn hóa, thể dục, thể thao.... dẫn đến tình trạng đời sống văn hóa tinh thần của những cộng đồng dân cư mới và công nhân ở trợ xung quanh các khu công nghiệp thực sự bức xúc, đôi khi trở thành nơi sản sinh ra các loại tệ nạn xã hội. Sự tập trung cao của lao động tại các KCN đang khiến cho vấn đề xã hội ngày càng trở thành áp lực đối với chính quyền địa phương và người dân quanh KCN. Đó là tình trạng thiếu nhà ở, điều kiện sinh hoạt khó khăn, giá cả hàng hóa tiêu dùng tăng và tệ nạn xã hội khác.

MỘT SỐ GIẢI PHÁP CƠ BẢN NHẪM GÓP PHẦN ỔN ĐỊNH VÀ NÂNG CAO ĐỜI SỐNG HỘ NÔNG DÂN DO ẢNH HƯỞNG CỦA KHU CÔNG NGHIỆP

Giải pháp lao động – việc làm: Một nguyên nhân khiến cho người dân sau thu hồi đất khó tìm được công việc mới thích hợp cũng như khó thích nghi với công việc mới là do trình độ văn hóa cũng như trình độ chuyên môn của họ còn nhiều hạn chế, để khắc phục được tình trạng này cần tập trung chú ý: Xây dựng chiến lược mang tính kịp thời cũng như lâu dài về đào tạo việc làm cho người lao động sau thu hồi đất gắn với chiến lược của thời kỳ CNH – HĐH. Hỗ trợ học phí cho con em trong diện bị thu hồi đất, đồng thời khuyến khích các lao động tham gia vào các lớp đào tạo nghề ngắn hạn, nhằm nâng cao tay nghề để họ có thể chuyển đổi ngành nghề. Mở rộng quy mô cũng như chất lượng các cơ sở đào tạo nghề để giúp họ nâng cao trình độ chuyên môn nhằm tìm kiếm được những công việc phù hợp, mang tính ổn định. Cần có sự phối kết hợp giữa các cơ sở đào tạo với các doanh nghiệp để thực hiện công tác đào tạo theo yêu cầu của doanh nghiệp và sau khóa đào tạo những lao động này sẽ được nhận vào

các doanh nghiệp để làm việc. Cần có chính sách tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ sở sản xuất như ưu đãi trong vay vốn, miễn giảm thuế, hỗ trợ tìm kiếm thị trường tiêu thụ sản phẩm. Đối với những lao động đã quá tuổi đào tạo nghề mà bị mất đất thì cần khuyến khích họ chuyển sang các ngành dịch vụ, TTCN với các hình thức tín dụng thích hợp.

Giải pháp phát triển ngành nghề phi nông nghiệp: Đây là một trong những giải pháp có tính hiệu quả hiện nay trong việc giải quyết vấn đề lao động nông thôn sau thu hồi đất, đồng thời tạo điều kiện cho các hộ nâng cao thu nhập và ổn định cuộc sống. Tuy nhiên, để phát triển được các ngành nghề phi nông nghiệp cần phải: Hỗ trợ các hộ dân phát triển các ngành nghề truyền thống thông qua việc khôi phục phát triển các ngành nghề truyền thống ở địa phương, đồng thời mở thêm các ngành nghề mới nhằm tạo thêm nhiều việc làm. Cấp đất ở những nơi thuận tiện trong việc kinh doanh, buôn bán cho những hộ dân bị thu hồi đất để họ chuyển đổi ngành nghề nhằm tạo việc làm và nâng cao thu nhập.

Giải pháp chuyển dịch cơ cấu cây trồng: Để có thể nâng cao được kết quả và hiệu quả kinh tế trong việc chuyển dịch cơ cấu cây trồng, các hộ dân cần lựa chọn cây trồng phù hợp với chất đất của mình nhất, tìm được giống cây có năng suất cao và chất lượng sản phẩm tốt. Nếu các hộ bố trí cây trồng phù hợp sẽ góp phần nâng cao hiệu quả đầu tư và hiệu quả sử dụng đất rõ rệt. Để phục vụ cho việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng, ở tầm vĩ mô, Nhà nước cần điều tra khảo sát mẫu đất từ đó, quy hoạch cụ thể vườn cây, các khu chuyển đổi từ trồng lúa sang trồng rau an toàn; hỗ trợ các giống cây có năng suất và chất lượng cao. Tổ chức các lớp học tập huấn về quy trình chăm sóc rau an toàn, giới thiệu kịp thời loại thuốc phòng trừ sâu bệnh cho người nông dân.

Ở tầm vi mô các hộ nông dân cần chủ động và mạnh dạn chuyển đổi cơ cấu cây trồng ở

những nơi thích hợp. Tăng cường đầu tư vốn, quản lý và chăm sóc vườn cây, đặc biệt là thời kì kiến thiết cơ bản. Tuân thủ đúng với quy trình kỹ thuật đã được hướng dẫn về tỉ lệ cây trồng, phân bón, phun thuốc. Tìm hiểu và xác định đúng loại sâu bệnh trên cây, từ đó có biện pháp xử lý chính xác. Ở những mảnh ruộng không thuận cho việc trồng lúa do không đủ nước tưới, người dân có thể trồng các loại rau cung cấp cho thị trường: rau muống, rau ngót, rau mồng tơi... Việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng cần đặc biệt chú ý đến hệ thống các công trình chung phục vụ sản xuất như các công trình thủy lợi, điện, đường giao thông... đảm bảo việc cung cấp nước đầy đủ, nguồn nước sạch, đảm bảo vệ sinh môi trường. Khi chuyển đổi cần tuyệt đối tránh việc làm ảnh hưởng đến sản xuất của các hộ xung quanh do không tính toán trước khi chuyển đổi.

Giải pháp về vốn: Để tạo điều kiện cho những lao động sau thu hồi đất chuyển đổi ngành nghề và tạo thu nhập ổn định thì cần phải có chính sách hỗ trợ về vốn. Nhiều hộ đã mạnh dạn vay vốn để đầu tư sản xuất kinh doanh, chuyển đổi cây trồng. Như vậy, để phát triển sản xuất nông nghiệp nói riêng cũng như kinh tế nói chung cần tạo điều kiện thuận lợi cho các hộ vay vốn để khuyến khích các hộ tăng cường đầu tư vào sản xuất kinh doanh để có thể nâng cao thu nhập cho hộ. Trong thời gian gần đây, việc vay vốn để phát triển sản xuất đối với người dân đã tương đối thuận lợi. Ngân hàng và quỹ tín dụng đã cải tiến một số thủ tục giúp cho nông dân vay vốn được dễ dàng hơn. Tuy nhiên, Nhà nước cần tăng cường vốn tín dụng dài hạn với lãi suất ưu đãi đối với những hộ chuyển đổi cây ăn quả vì đây là loại xây sau vài năm mới cho thu hoạch, tiền đầu tư ban đầu lại khá lớn.

Giải pháp đối với ô nhiễm môi trường: Năng suất và chất lượng của các mặt hàng nông sản liên quan đến môi trường, đặc biệt là môi trường nước. Quá trình sản xuất, sinh hoạt của người dân có liên quan trực tiếp tới môi trường, đặc biệt là môi trường nước, không

khí. Vì vậy, để giải quyết về vấn đề ô nhiễm môi trường nước, điều cần thiết là phải có kế hoạch tập trung các khu công nghiệp, khu dân cư, xây dựng hệ thống thoát nước một cách khoa học để tạo điều kiện dễ dàng hoạt động xử lý nước thải. Đối với doanh nghiệp không thực hiện các quy định về xử lý nước thải do địa phương đề ra thì doanh nghiệp đó phải chịu phạt nhất định về kinh tế hoặc về các thủ tục hành chính (chẳng hạn như sau khi được phổ biến mà sau 3 tháng vẫn không chấp hành các tiêu chuẩn về xử lý nước thải sẽ bị yêu cầu tạm ngừng hoạt động sản xuất kinh doanh). Để có thể giải quyết được vấn đề ô nhiễm nguồn nước cần nâng cao nhận thức của người dân bằng cách tuyên truyền tầm quan trọng của việc bảo vệ môi trường nước. Người dân không nên đưa nước thải trực tiếp ra hệ thống mương của huyện. Chính quyền huyện cần nâng cấp và làm mới hệ thống cũng như xây dựng nhà máy xử lý nước thải của người dân cũng như của các cơ sở TTCN, các khu công nghiệp và đô thị. Chính quyền huyện cần phải có những báo cáo về tình trạng ô nhiễm môi trường nước do khu công nghiệp mới xây dựng gây nên, yêu cầu họ phải có biện pháp xử lý nước thải khi đưa ra ngoài môi trường. Việc này cần phải có sự liên kết với các cơ quan, đơn vị liên quan.

Giải pháp cụ thể đối với hộ nông dân: Đây mạnh chuyển đổi cơ cấu ngành nghề: Đất đai là tư liệu sản xuất quan trọng của người dân do đó khi bị thu hồi nó ảnh hưởng rất lớn tới đời sống việc làm cũng như thu nhập của hộ. Chính vì vậy, sau thu hồi đất số lao động mất việc làm, thiếu việc làm gia tăng. Do đó giải pháp hỗ trợ chuyển đổi nghề trở nên cấp thiết, giải pháp này nhằm tập trung vào các nghề có tính chất ổn định, thu nhập thường xuyên và thu hút nhiều lao động tham gia. Để thực hiện tốt giải pháp này đòi hỏi phải có sự tham gia của các cấp, ngành nhằm tìm ra thị trường tiêu thụ sản phẩm đầu ra của các ngành nghề mà người dân tham gia.

- Đẩy mạnh đào tạo nghề cho lao động: Để bắt nhịp với sự thay đổi của môi trường làm việc